



THANH TRA CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **3852** /TTCP - VP

V/v lấy ý kiến đối với dự thảo
Quyết định công bố TTHC nội
bộ giữa các cơ quan hành chính
nhà nước thuộc phạm vi chức
năng quản lý của Thanh tra
Chính phủ

Hà Nội, ngày **19** tháng 10 năm 2026

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang bộ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố.

Thực hiện việc rà soát, cắt giảm đơn giản hóa thủ tục hành chính theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 432/TTg-CĐS ngày 23/4/2026 về việc cắt giảm thủ tục hành chính, Thanh tra chính phủ đã rà soát, thống kê và xây dựng dự thảo Quyết định công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Thanh tra Chính phủ.

Để có cơ sở hoàn thiện và ban hành Quyết định nêu trên, Thanh tra Chính phủ đề nghị Quý cơ quan cho ý kiến góp ý đối với dự thảo quyết định và đánh giá tác động, ảnh hưởng của thủ tục hành chính (theo file đính kèm). Văn bản góp ý của Quý cơ quan đề nghị gửi về Thanh tra Chính phủ trước ngày 26 tháng 10 năm 2026 để tổng hợp, tiếp thu và hoàn thiện hồ sơ ban hành Quyết định công bố thủ tục hành chính nội bộ.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý cơ quan./

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Tổng Thanh tra CP (để b/c);
- Phó Tổng TTCP Nguyễn Văn Cường;
- TTCP: Vụ Pháp chế, Cục IV;
- Lưu: VT, Cục IV, VP. KSTTHC.

**KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA**



Nguyễn Văn Cường

THANH TRA CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-TTTP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Thanh tra Chính phủ

TỔNG THANH TRA CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng số 132/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 109/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 164/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ Về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

Căn cứ Công văn số 8536/VPCP-KSTT ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn, công bố công khai; rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Chánh Văn phòng Thanh tra Chính phủ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Thanh tra Chính phủ (Danh sách tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ một số thủ tục hành chính tại Quyết định số 70/QĐ-TTTP ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Thanh tra Chính phủ (Danh sách tại Phụ lục kèm theo).

Điều 3. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các vụ, cục, đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng Thanh tra CP (để b/c);
- Các Phó Tổng TTCP;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- TT Bộ Quốc phòng, TT Bộ Công an,
TT Ngân hàng NN VN, TT Cơ yếu, các cơ quan
TT thành lập theo Điều ước quốc tế;
- UBND các tỉnh, TP;
- Thanh tra các tỉnh, TP;
- Công TTĐT TTCP;
- Lưu: VT, Cục IV, VP.

**KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA**

Nguyễn Văn Cường

PHỤ LỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ
BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG THUỘC
PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA THANH TRA CHÍNH PHỦ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TTCP ngày tháng năm 2026
của Thanh tra Chính phủ)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Thanh tra Chính phủ

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	Phòng, chống tham nhũng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	- Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng số 132/2025/QH15;
2	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập			- Nghị định số 109/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ; - Nghị định số 164/2026/NĐ-CP của Chính phủ Về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của thanh tra chính phủ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	Số QĐ đã công bố	Ghi chú
1	2.002400	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	Phòng, chống tham nhũng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	70/QĐ-TTCP	Chuyển sang TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính Nhà nước
2	2.002401	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập				

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ MỚI BAN HÀNH

1. Tên thủ tục hành chính: Kê khai tài sản, thu nhập

Trình tự thực hiện	Bước 1: Lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai và hướng dẫn việc kê khai - Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập (gọi tắt là người có nghĩa vụ kê khai) lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai được quy định tại Điều 34 Luật Phòng chống tham nhũng (PCTN) số 36/2018/QH14 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 132/2025/QH15) và Điều 10 Nghị định 164/2026/NĐ-CP. - Cơ quan, tổ chức gửi mẫu Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu quy định tại Nghị định 164/2026/NĐ-CP (sau đây gọi là Bản kê khai), hướng dẫn và yêu cầu người có nghĩa vụ kê khai thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập. Bước 2: Thực hiện việc kê khai Người có nghĩa vụ kê khai có trách nhiệm kê khai theo mẫu (02 bản kê khai) và gửi về cơ quan, tổ chức nơi mình làm việc. Tài sản, thu nhập phải kê khai (quy định tại Điều 35 Luật PCTN số 36/2018/QH14 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 132/2025/QH15) và Điều 9 Nghị định 164/2026/NĐ-CP bao gồm: a) Quyền sử dụng đất; b) Nhà ở, công trình xây dựng; c) Tài sản khác gắn liền với đất; d) Vàng, kim cương, bạch kim và các kim khí quý, đá quý khác mà mỗi loại có tổng giá trị từ 150 triệu đồng trở lên; đ) Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 150 triệu đồng trở lên; e) Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 150 triệu đồng trở lên;
--------------------	---

	g) Tài sản số, tài sản khác mà mỗi loại có giá trị từ 150 triệu đồng trở lên; h) Các khoản nợ có giá trị từ 150 triệu đồng trở lên; i) Tài sản ở nước ngoài; k) Tài khoản ở nước ngoài; l) Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai. Trường hợp bản kê khai không đúng theo mẫu hoặc không đầy đủ về nội dung thì cơ quan, tổ chức, đơn vị yêu cầu kê khai bổ sung hoặc kê khai lại. Thời hạn kê khai bổ sung hoặc kê khai lại là 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, trừ trường hợp có lý do chính đáng quy định tại Điều 38 Luật PCTN số 36/2018/QH14. Bước 3: Tiếp nhận, quản lý, bàn giao bản kê khai. Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý bản kê khai. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được bản kê khai, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai rà soát, kiểm tra bản kê khai và bàn giao 01 bản kê khai cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có thẩm quyền.
--	--

2. Tên thủ tục hành chính: Xác minh tài sản, thu nhập

Trình tự thực hiện	Quy định tại các Điều 44, 45, 48, 49, 50 Luật Phòng chống tham nhũng (PCTN) số 36/2018/QH14 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 132/2025/QH15) và Chương VI Nghị định 164/2026/NĐ-CP. Bước 1: Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành quyết định xác minh và thành lập Tổ xác minh - Người đứng đầu cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập căn cứ vào Điều 41 và Điều 45 Luật Phòng, chống tham nhũng để ban hành Quyết định xác minh tài sản, thu nhập. - Quyết định xác minh tài sản, thu nhập bao gồm các nội dung sau đây: Căn cứ ban hành quyết định xác minh; Họ, tên, chức vụ, nơi công tác của người được xác minh tài sản, thu nhập; Họ, tên, chức vụ, nơi công tác của Tổ trưởng và thành viên Tổ xác minh tài sản,
--------------------	---

thu nhập; Nội dung xác minh; Thời hạn xác minh; Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ trưởng và thành viên Tổ xác minh tài sản, thu nhập; Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân phối hợp (nếu có).

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập gửi Quyết định xác minh tài sản, thu nhập tới người được xác minh, cơ quan quản lý người được xác minh, người có thẩm quyền yêu cầu, kiến nghị xác minh tài sản, thu nhập trong trường hợp xác minh theo quy định tại Điều 42 Luật Phòng, chống tham nhũng và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Bước 2: Tổ xác minh yêu cầu người được xác minh giải trình về tài sản, thu nhập của mình.

- Căn cứ vào bản kê khai của người được xác minh, người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập hoặc Tổ trưởng Tổ xác minh có văn bản yêu cầu, đề nghị người được xác minh cung cấp tài liệu, giấy tờ kiểm chứng những thông tin đã ghi trong bản kê khai tài sản, thu nhập. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu, đề nghị, người được xác minh có trách nhiệm cung cấp tài liệu, giấy tờ kiểm chứng hoặc giải trình bằng văn bản về việc không cung cấp được tài liệu, giấy tờ kiểm chứng.

- Người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập, Tổ trưởng Tổ xác minh có văn bản yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung xác minh. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được yêu cầu cung cấp thông tin phải cung cấp theo yêu cầu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Bước 3: Tiến hành xác minh tài sản, thu nhập

- Yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung xác minh theo quy định tại khoản 3 Điều 31 của Luật PCTN;

- Kiến nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân đang quản lý tài sản, thu nhập áp dụng biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật để ngăn chặn việc tẩu tán, hủy hoại, chuyển dịch tài sản, thu nhập hoặc hành vi khác

cản trở hoạt động xác minh tài sản, thu nhập;

- Đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền định giá, thẩm định giá, giám định tài sản, thu nhập phục vụ cho việc xác minh.
- Giữ bí mật thông tin, tài liệu thu thập được trong quá trình xác minh.

Bước 4: Yêu cầu giải trình, làm việc trực tiếp với người được xác minh tài sản, thu nhập

- Căn cứ vào kết quả nghiên cứu bản kê khai, thông tin, tài liệu của các cơ quan có liên quan cung cấp, trường hợp cần thiết, Tổ xác minh có văn bản yêu cầu người được xác minh giải trình về nội dung kê khai.
- Trường hợp nội dung giải trình của người kê khai chưa rõ, Tổ xác minh quyết định làm việc trực tiếp với người được xác minh. Nội dung làm việc với người được xác minh phải được lập thành biên bản. Nếu thông tin, tài liệu được cung cấp chưa đầy đủ, việc giải trình chưa rõ thì Tổ xác minh yêu cầu người được xác minh tiếp tục cung cấp thông tin, tài liệu giải trình về các vấn đề còn chưa rõ. Thời hạn cung cấp thông tin, tài liệu giải trình về các vấn đề còn chưa rõ của người được xác minh không quá 10 ngày làm việc.

Bước 5: Báo cáo kết quả xác minh tài sản, thu nhập.

- Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày ra quyết định xác minh, Tổ trưởng Tổ xác minh tài sản, thu nhập phải báo cáo kết quả xác minh tài sản, thu nhập bằng văn bản cho người ra quyết định xác minh; trường hợp phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 90 ngày.
- Báo cáo kết quả xác minh tài sản, thu nhập bao gồm các nội dung sau:
 - a) Nội dung được xác minh, hoạt động xác minh đã được tiến hành và kết quả xác minh;
 - b) Đánh giá về tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của bản kê khai; tính trung thực trong việc giải trình về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm;

c) Kiến nghị xử lý vi phạm quy định của pháp luật về kiểm soát tài sản, thu nhập.

Bước 6: Kết luận xác minh tài sản, thu nhập.

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Báo cáo kết quả xác minh tài sản, thu nhập, người ra quyết định xác minh phải ban hành Kết luận xác minh tài sản, thu nhập; trường hợp phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 20 ngày.

- Kết luận xác minh tài sản, thu nhập bao gồm các nội dung sau đây: Tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của việc kê khai tài sản, thu nhập; tính trung thực trong việc giải trình về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm; kiến nghị người có thẩm quyền xử lý vi phạm quy định của pháp luật về kiểm soát tài sản, thu nhập.

- Người ban hành Kết luận xác minh tài sản, thu nhập phải chịu trách nhiệm về tính khách quan, trung thực của Kết luận xác minh.

- Kết luận xác minh tài sản, thu nhập phải được gửi cho người được xác minh và cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân yêu cầu, kiến nghị xác minh quy định tại Điều 42 của Luật PCTN.

Bước 7: Công khai kết luận xác minh tài sản, thu nhập.

- Kết luận xác minh tài sản, thu nhập được gửi cho người được xác minh, cơ quan quản lý người được xác minh, cơ quan, đơn vị người được xác minh công tác và được lưu trong Hồ sơ xác minh.

- Công khai Kết luận xác minh tài sản, thu nhập thực hiện theo quy định tại Điều 50 Luật Phòng, chống tham nhũng. Việc công khai bằng hình thức niêm yết tại trụ sở cơ quan nơi người được xác minh thường xuyên công tác hoặc công khai tại cuộc họp bao gồm toàn thể cán bộ, công chức, viên chức do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có người được xác minh tổ chức thực hiện theo Kết luận xác minh tài sản, thu nhập.

- Đối với việc xác minh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 41 Luật Phòng, chống tham nhũng thì Kết luận xác minh tài sản, thu nhập còn được gửi cho người tố cáo. Đối với việc xác minh theo quy định tại Điều 42 Luật Phòng, chống tham nhũng thì cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập gửi Kết luận xác minh tài sản, thu nhập

	hoặc gửi văn bản kèm Kết luận xác minh tài sản, thu nhập tới cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, kiến nghị xác minh tài sản, thu nhập.
Cách thức thực hiện	Xác minh tài sản, thu nhập được thực hiện tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý người có nghĩa vụ kê khai
Kết quả thực hiện	- Báo cáo kết quả xác minh tài sản, thu nhập. - Kết luận xác minh tài sản, thu nhập.
Thành phần, số lượng hồ sơ	Hồ sơ xác minh gồm có (Số lượng: 01 bộ): 1. Quyết định xác minh tài sản, thu nhập. 2. Kế hoạch tiến hành xác minh tài sản, thu nhập. 3. Bản sao Bản kê khai tài sản, thu nhập của người được xác minh. 4. Văn bản yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cung cấp thông tin, tài liệu; Văn bản yêu cầu người được xác minh giải trình liên quan đến nội dung kê khai (nếu có). 5. Văn bản trả lời của các cơ quan cung cấp thông tin, tài liệu (nếu có). 6. Văn bản giải trình của người được xác minh (nếu có). 7. Biên bản làm việc với người được xác minh (nếu có). 8. Quyết định gia hạn thời hạn xác minh (nếu có). 9. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của thành viên Tổ xác minh. 10. Tài liệu khác có liên quan (nếu có).
Thời hạn thực hiện	Không quá 115 ngày (trong đó thời hạn xác minh là 45 ngày, trường hợp phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 90 ngày; thời hạn ban hành kết luận là 10 ngày, trường hợp phức tạp có thể kéo dài nhưng không quá 20 ngày; thời hạn công khai kết luận là 05 ngày làm việc)
Đối tượng thực hiện	Cá nhân, tổ chức
Cơ quan thực hiện	Cơ quan kiểm soát tài sản thu nhập được quy định tại Điều 30 Luật Phòng chống tham nhũng (PCTN) số 36/2018/QH14 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 132/2025/QH15).

Yêu cầu điều kiện thực hiện	Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập xác minh tài sản, thu nhập khi có một trong các căn cứ sau đây: 1. Có dấu hiệu rõ ràng về việc kê khai tài sản, thu nhập không trung thực; 2. Có biến động tăng về tài sản, thu nhập từ 1.000.000.000 đồng trở lên so với tài sản, thu nhập đã kê khai lần liền trước đó mà người có nghĩa vụ kê khai giải trình không hợp lý về nguồn gốc; 3. Có tố cáo về việc kê khai tài sản, thu nhập không trung thực và đủ điều kiện thụ lý theo quy định của Luật Tố cáo; 4. Thuộc trường hợp xác minh theo kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hàng năm đối với người có nghĩa vụ kê khai được lựa chọn ngẫu nhiên; 5. Có yêu cầu hoặc kiến nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền theo quy định tại Điều 42 của Luật PCTN.
Phí, lệ phí	Không có
Căn cứ pháp lý để thực hiện	Luật phòng chống tham nhũng số 36/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng số 132/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025; Nghị định số 164/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.